



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2013

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Tập Đoàn Nhựa Đông Á kính báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2013.

Đối với chủ sở hữu Công ty

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107014364 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã có 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 31

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Cải thiện cơ cấu Dịch vụ cho thuê văn phòng, chủ thuê đất, cho thuê mặt bằng (doanh nghiệp đã được kinh doanh theo qui định của pháp luật);
- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quản lý, phòng lab, bar/club, vũ trường; Đầu tư, xây dựng nhà ở; Giao công nợ lãi);
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải bằng hàng, vận chuyển hàng khách;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất; Thiết bị máy, linh kiện, kỹ thuật hàng tiêu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành dầu khí và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ công tác xây dựng và trang trí nội ngoại thất;

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội
Tel: (84-4) 3.689.1888 Fax: (84-4) 3.686.1616

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2013 và các ngày lập Báo cáo tài chính:

Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Bá Hùng
Ông Trần Thị Lý Hải

Chủ tịch
Phó Chủ tịch



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2013.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã có 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 08 tháng 05 năm 2013 thì vốn điều lệ của Công ty là: **137.500.0000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm ba mươi bảy tỷ năm trăm triệu đồng).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 41/QĐ-SGDHCM ngày 01/03/2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty chính thức được đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 08/04/2010 với mã chứng khoán: DAG

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Khai thác muối; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng aranium và quặng thorium (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chỉ gồm có: Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê đất, cho thuê mặt bằng (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật);
- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar; phòng hát Karaoke, vũ trường); Đầu tư, xây dựng nhà ở; Gia công cơ khí;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội
Tel: (84-4) 3.689.1888 Fax: (84-4) 3.686.1616

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2013 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Bá Hùng
Bà Trần Thị Lê Hải

Chủ tịch
Phó Chủ tịch

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ông An Quang Hiếu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tính	Thành viên
Ông Ito Junichi	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Bá Hùng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21/5/2013)
Bà Trần Thị Lê Hải	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 21/5/2013)
Ông Nguyễn Phú Thắng	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 30/10/2013)
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Tổng giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2013.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính .

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á



Nguyễn Bá Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

Trích nhiệm vụ của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan của pháp luật Việt Nam cho tài chính và các công việc khác và kiểm soát nội bộ của Ban Giám đốc để đảm bảo tính đúng đắn của việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót đáng kể do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ nghiêm ngặt về các quy định về đặt đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự chắc chắn hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót đáng kể hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và minh chứng trên các tài khoản. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán và kiến thức chuyên môn, bao gồm đánh giá rủi ro sai sót có thể xảy ra trong báo cáo tài chính để quyết định phạm vi hoặc chiều sâu của thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong thực tiễn, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài sản thuộc phạm vi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan, cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Số : 189.-14/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10 tháng 02 năm 2014 từ trang 07 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

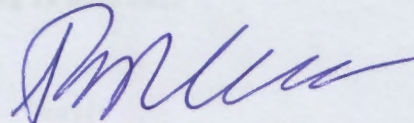
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á giữ 05 bản. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn
 Phó Tổng giám đốc
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1


Ngô Bá Duy
 Kiểm toán viên
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		TẠI NGÀY 31/03/2014	
I	CÁC KHOẢN MANG ĐANG CHỜ	112	11.292.471.790
II	CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120	11.292.471.790
III	CÁC KHOẢN PHÁT ĐỀU NGẮN HẠN	130	163.248.977.854
IV	Hàng tồn kho	140	45.919.474.730
V	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	126.966.832.056
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270	348.719.718.210
VI		VIỆN VỐN	
1. Nguồn gốc		210	348.719.718.210
2. Nguồn gốc		220	348.719.718.210
3. Nguồn gốc		230	348.719.718.210
4. Nguồn gốc		240	348.719.718.210
5. Nguồn gốc		250	348.719.718.210
6. Nguồn gốc		260	348.719.718.210
7. Nguồn gốc		270	348.719.718.210
8. Nguồn gốc		280	348.719.718.210
9. Nguồn gốc		290	348.719.718.210
10. Nguồn gốc		300	348.719.718.210
11. Nguồn gốc		310	348.719.718.210
12. Nguồn gốc		320	348.719.718.210
13. Nguồn gốc		330	348.719.718.210
14. Nguồn gốc		340	348.719.718.210
15. Nguồn gốc		350	348.719.718.210
16. Nguồn gốc		360	348.719.718.210
17. Nguồn gốc		370	348.719.718.210
18. Nguồn gốc		380	348.719.718.210
19. Nguồn gốc		390	348.719.718.210
20. Nguồn gốc		400	348.719.718.210
21. Nguồn gốc		410	348.719.718.210
22. Nguồn gốc		420	348.719.718.210
23. Nguồn gốc		430	348.719.718.210
24. Nguồn gốc		440	348.719.718.210
25. Nguồn gốc		450	348.719.718.210
26. Nguồn gốc		460	348.719.718.210
27. Nguồn gốc		470	348.719.718.210
28. Nguồn gốc		480	348.719.718.210
29. Nguồn gốc		490	348.719.718.210
30. Nguồn gốc		500	348.719.718.210
31. Nguồn gốc		510	348.719.718.210
32. Nguồn gốc		520	348.719.718.210
33. Nguồn gốc		530	348.719.718.210
34. Nguồn gốc		540	348.719.718.210
35. Nguồn gốc		550	348.719.718.210
36. Nguồn gốc		560	348.719.718.210
37. Nguồn gốc		570	348.719.718.210
38. Nguồn gốc		580	348.719.718.210
39. Nguồn gốc		590	348.719.718.210
40. Nguồn gốc		600	348.719.718.210
41. Nguồn gốc		610	348.719.718.210
42. Nguồn gốc		620	348.719.718.210
43. Nguồn gốc		630	348.719.718.210
44. Nguồn gốc		640	348.719.718.210
45. Nguồn gốc		650	348.719.718.210
46. Nguồn gốc		660	348.719.718.210
47. Nguồn gốc		670	348.719.718.210
48. Nguồn gốc		680	348.719.718.210
49. Nguồn gốc		690	348.719.718.210
50. Nguồn gốc		700	348.719.718.210
51. Nguồn gốc		710	348.719.718.210
52. Nguồn gốc		720	348.719.718.210
53. Nguồn gốc		730	348.719.718.210
54. Nguồn gốc		740	348.719.718.210
55. Nguồn gốc		750	348.719.718.210
56. Nguồn gốc		760	348.719.718.210
57. Nguồn gốc		770	348.719.718.210
58. Nguồn gốc		780	348.719.718.210
59. Nguồn gốc		790	348.719.718.210
60. Nguồn gốc		800	348.719.718.210
61. Nguồn gốc		810	348.719.718.210
62. Nguồn gốc		820	348.719.718.210
63. Nguồn gốc		830	348.719.718.210
64. Nguồn gốc		840	348.719.718.210
65. Nguồn gốc		850	348.719.718.210
66. Nguồn gốc		860	348.719.718.210
67. Nguồn gốc		870	348.719.718.210
68. Nguồn gốc		880	348.719.718.210
69. Nguồn gốc		890	348.719.718.210
70. Nguồn gốc		900	348.719.718.210
71. Nguồn gốc		910	348.719.718.210
72. Nguồn gốc		920	348.719.718.210
73. Nguồn gốc		930	348.719.718.210
74. Nguồn gốc		940	348.719.718.210
75. Nguồn gốc		950	348.719.718.210
76. Nguồn gốc		960	348.719.718.210
77. Nguồn gốc		970	348.719.718.210
78. Nguồn gốc		980	348.719.718.210
79. Nguồn gốc		990	348.719.718.210
80. Nguồn gốc		1000	348.719.718.210

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		221.773.699.658	408.180.299.366
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	11.202.471.790	34.367.791.228
1 Tiền	111		11.202.471.790	14.367.791.228
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		163.242.977.554	320.798.248.919
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	15.563.415.990	19.827.079.425
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	36.031.231.799	32.149.198.540
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	113.477.671.278	269.624.970.954
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.829.341.513)	(803.000.000)
IV Hàng tồn kho	140		45.919.474.730	51.104.540.504
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	45.919.474.730	51.104.540.504
V Tài sản ngắn hạn khác	150		1.408.775.584	1.909.718.715
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		177.342.950	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.11.	176.745.341	176.745.341
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	1.054.687.293	1.732.973.374
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		126.966.032.006	117.058.423.929
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		24.583.645.872	13.726.595.057
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.4.	8.071.290.674	9.301.284.044
- Nguyên giá	222		14.461.753.222	14.672.775.761
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.390.462.548)	(5.371.491.717)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.5.	-	-
- Nguyên giá	228		387.972.800	407.819.466
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(387.972.800)	(407.819.466)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6.	16.512.355.198	4.425.311.013
III Bất động sản đầu tư	240	V.7.	3.216.476.856	3.284.912.544
- Nguyên giá	241		3.421.783.900	3.421.783.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(205.307.044)	(136.871.356)
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9.	98.000.000.000	98.000.000.000
1 Đầu tư vào công ty con	251		98.000.000.000	98.000.000.000
V Tài sản dài hạn khác	260		1.165.909.278	2.046.916.328
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	1.165.909.278	1.887.106.328
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	159.810.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		348.739.731.664	525.238.723.295

(Các thuyết minh từ trang 11 đến 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		209.320.775.335	383.917.684.152
I Nợ ngắn hạn	310		133.675.942.316	294.012.936.766
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10.	97.542.542.481	223.389.579.327
2 Phải trả người bán	312	VIII.2.4	17.925.864.193	49.675.016.677
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.5	-	8.660.000.280
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11.	679.263.922	244.829.800
5 Phải trả người lao động	315		357.570.925	352.430.278
6 Chi phí phải trả	316	V.12.	1.358.319.283	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13.	15.812.381.512	11.691.080.404
11 Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		-	-
II Nợ dài hạn	330		75.644.833.019	89.904.747.386
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333		30.000.000	30.000.000
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.14.	75.548.937.292	87.406.107.700
7 Doanh thu chưa thực hiện	338	V.15.	65.895.727	2.468.639.686
B VỐN CHỦ SỞ HỮU(400=410+430)	400		139.418.956.329	141.321.039.143
I Vốn chủ sở hữu	410	V.16.	139.418.956.329	141.321.039.143
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		137.500.000.000	137.500.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		4.050.000.000	4.050.000.000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ (*)	414		(210.000)	(210.000)
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(2.130.833.671)	(228.750.857)
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		348.739.731.664	525.238.723.295

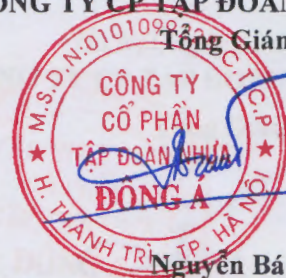
Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Thủy

Phan Thị Lệ

Nguyễn Bá Hùng

(Các thuyết minh từ trang 11 đến 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17.	208.459.404.260	226.406.867.249
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	157.339.411
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		208.459.404.260	226.249.527.838
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.20.	204.853.946.038	220.448.951.737
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.605.458.222	5.800.576.101
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21.	21.157.825.246	14.565.383.518
7 Chi phí tài chính	22	VI.22.	804.476.449	3.103.453.697
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			555.290.392	2.387.352.789
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.2.7	2.212.152.278	2.670.288.891
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.8	4.387.381.121	2.275.743.014
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		17.359.273.620	12.316.474.017
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.9	632.294.018	180.252.239
12 Chi phí khác	32	VIII.2.10	699.793.821	106.788.114
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(67.499.803)	73.464.125
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		17.291.773.817	12.389.938.142
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.23.	-	-
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		17.291.773.817	12.389.938.142

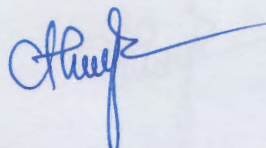
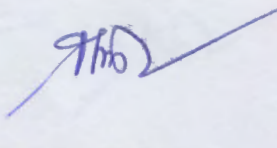
Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

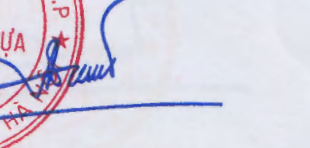
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Thủy

Phan Thị Lụa

Nguyễn Bá Hùng

(Các thuyết minh từ trang 11 đến 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01		189.283.735.052	240.180.373.467
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(145.697.109.142)	(254.989.926.897)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.054.119.033)	(2.664.359.569)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(555.290.392)	(2.387.352.789)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		275.078.942.909	45.744.096.585
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(163.209.142.938)	(62.241.685.369)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		150.847.016.456	(36.358.854.572)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(24.674.238.923)	(27.362.981)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.913.323	36.391.256
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24.647.325.600)	9.028.275
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		311.325.180.580	770.246.034.514
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(449.000.394.077)	(701.962.762.557)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(404.142.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.689.632.474)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(149.364.845.971)	67.879.129.957
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(23.165.155.115)	31.529.303.660
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		34.367.791.228	2.838.626.345
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(164.323)	(138.777)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.01	11.202.471.790	34.367.791.228

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Thủy

Phan Thị Lệ

Nguyễn Bá Hùng

(Các thuyết minh từ trang 11 đến 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã có 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 08 tháng 05 năm 2013 thì vốn điều lệ của Công ty là: **137.500.0000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm ba mươi bảy tỷ năm trăm triệu đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác muối; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng aranium và quặng thorium (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chỉ gồm có: Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê đất, cho thuê mặt bằng (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật);
- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar; phòng hát Karaoke, vũ trường); Đầu tư, xây dựng nhà ở; Gia công cơ khí;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

Tel: (84-4) 3.689.1888 Fax: (84-4) 3.686.1616

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 tại thuyết minh số VI.25.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Effect.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

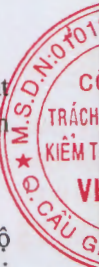
Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính theo thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền tháng.
- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên
- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
(tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm >
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 6

3.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và hệ thống quản lý ISO 9001

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm >
Phần mềm máy vi tính	4
Hệ thống quản lý ISO 9001	4

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất lô đất có diện tích 960m² tại Khu công nghiệp Ngọc Hồi với nguyên giá là 3.421.783.900 VND do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, được phân ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp. Công ty không khấu hao bất động sản đầu tư đang nắm giữ.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là các khoản đầu tư vào Công ty con có thời hạn thu hồi trên một năm được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 – Chi phí đi vay.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí phải trả tiền thuê nhà, tiền điện,... thực tế chưa chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, dựa trên hợp đồng và kế hoạch chi trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, doanh thu dịch vụ, doanh thu lắp đặt hệ thống cửa và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hoá được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu lắp đặt được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hóa đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - "Hợp đồng xây dựng".



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
(tiếp theo)

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

11.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

11.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng là các dự án xây dựng nhà máy tại Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Dự án Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam, chi phí nhập máy profile và dây truyền nhôm được ghi nhận theo giá gốc, khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

11.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

11.4 Nguyên tắc ghi nhận Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng kinh tế, khối lượng hàng hóa, dịch vụ đơn vị đã cung cấp và số tiền được khách hàng thanh toán trước.

11.5 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với hàng hóa thành phẩm thép các loại và 0% đối với các mặt hàng xuất khẩu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
 (tiếp theo)

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

11.6 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hoạt động lắp đặt được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt	3.555.662	943.529
Tiền gửi ngân hàng	11.198.916.128	14.366.847.699
Tiền VND	11.183.955.637	14.350.477.037
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	916.090
Ngân hàng TMCP Á Châu	77.997.227	76.740.483
Ngân hàng TMCP Quân Đội	4.827.477.328	10.128.250.917
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	108.565.644	107.751.029
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà đồng bằng Sông Cửu Long	13.736.295	13.516.794
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5.422.075.640	4.022.151.606
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	1.150.118
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	706.466.319	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	27.637.184	-
Ngoại tệ	14.960.491	16.370.662
Ngân hàng TMCP Á Châu - USD	119.313	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - USD	274.883	2.361.103
Ngân hàng TMCP Quân Đội - EUR	133.869	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- USD	14.432.426	14.009.559
Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	20.000.000.000
Tổng cộng	11.202.471.790	34.367.791.228
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	32.204.723.656	32.018.859.398
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	7.604.492.896	124.824.686.362
Công ty TNHH SmartWindow Việt Nam	71.384.746.196	110.614.184.756

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
 (tiếp theo)

Thuế GTGT của tài sản Thuê tài chính	677.044.321	976.514.798
Các khoản phải thu khác	1.606.664.209	1.190.725.640
Tổng cộng	113.477.671.278	269.624.970.954

3. Hàng tồn kho	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	102.107.816	4.651.241.222
Hàng hoá	45.817.366.914	46.453.299.282
Cộng giá gốc hàng tồn kho	45.919.474.730	51.104.540.504

4. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2013	13.979.841.727	692.934.034	14.672.775.761
Mua trong năm	-	666.280.754	666.280.754
Thanh lý trong năm	(658.163.998)	-	(658.163.998)
Giảm khác (*)	-	(219.139.295)	(219.139.295)
Số dư ngày 31/12/2013	13.321.677.729	1.140.075.493	14.461.753.222
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2013	4.742.693.671	628.798.046	5.371.491.717
Khấu hao trong năm	1.428.846.204	222.844.501	1.651.690.705
Thanh lý, nhượng bán	(418.208.375)	-	(418.208.375)
Giảm khác (*)	-	(214.511.499)	(214.511.499)
Số dư ngày 31/12/2013	5.753.331.500	637.131.048	6.390.462.548
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2013	9.237.148.056	64.135.988	9.301.284.044
Tại ngày 31/12/2013	7.568.346.229	502.944.445	8.071.290.674

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.226.364.708 đồng.

(*) Giảm khác là những TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 VND được phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Trong đó:

- Những TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 VND đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 170.984.749 VND.

- Những TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 VND nhưng vẫn còn GTCL là: 48.154.546 VND.

5. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Hệ thống quản lý ISO 9001	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2013	387.972.800	19.846.666	407.819.466

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
 (tiếp theo)

Giảm khác (*)	-	(19.846.666)	(19.846.666)
Số dư ngày 31/12/2013	387.972.800	-	387.972.800
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2013	387.972.800	19.846.666	407.819.466
Giảm khác (*)	-	(19.846.666)	(19.846.666)
Số dư ngày 31/12/2013	387.972.800	-	387.972.800
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2013	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	-	-	-

(*) Giảm khác là những TSCĐ có nguyên giá dưới 30.000.000 VND được phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Mua sắm TSCĐ - Dự án KCN Hà Nam	1.677.860.140	2.292.286.499
Xây dựng cơ bản dở dang	14.834.495.058	2.133.024.514
Dự án Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam - Khu công nghiệp Ngọc Hồi	1.792.522.400	1.792.522.400
Dự án Khu công nghiệp Hà Nam	13.041.972.658	340.502.114
Tổng cộng	16.512.355.198	4.425.311.013

7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

				Đơn vị tính: VND
	01/01/2013	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2013
Nguyên giá	3.421.783.900	-	-	3.421.783.900
Quyền sử dụng đất	3.421.783.900	-	-	3.421.783.900
Giá trị hao mòn lũy kế	136.871.356	68.435.688	-	205.307.044
Quyền sử dụng đất	136.871.356	68.435.688	-	205.307.044
Giá trị còn lại	3.284.912.544	-	-	3.216.476.856
Quyền sử dụng đất	3.284.912.544	-	-	3.216.476.856

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)	Số	Giá trị (VND)
			lượng (cổ phần)	
Đầu tư vào Công ty con	-	98.000.000.000	-	98.000.000.000
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	-	58.000.000.000	-	58.000.000.000
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
 (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ (*)	1.165.909.278	1.887.106.328
Tổng cộng	1.165.909.278	1.887.106.328

(*) Giá trị còn lại của TSCĐ có nguyên giá không đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ được phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ là 4.627.796 đồng.

10. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	87.564.703.815	223.303.930.327
Ngân hàng TMCP Quân đội - VND (1)	24.284.278.119	179.882.717.735
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - VND (2)	9.977.838.666	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- VND (3)	63.280.425.696	43.421.212.592
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	85.649.000
Tổng cộng	97.542.542.481	223.389.579.327

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo các hợp đồng: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 159.13.004.369260.TD.DN ngày 14/5/2013, hạn mức 25.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và máy móc thiết bị với tổng giá trị tài sản thế chấp là 303.749.000.000 đồng.

(2) Khoản vay Ngân hàng Shinhanbank theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2013/069 ngày 26/6/2013, hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng, mục đích vay dùng để tài trợ vốn lưu động, mở và thanh toán L/C trả ngay và trả chậm, lãi suất là lãi suất cơ bản tiền Việt Nam đồng do ngân hàng Nhà nước quy định + 2% một năm, tài sản đảm bảo là hàng tồn kho tại kho của Công ty TNHH Nhựa Đông Á, địa chỉ tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam.

(3) Vay Ngân hàng Ngoại thương Chi nhánh Hoàn Kiếm theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số HKI/HỆTD/12063 ngày 09/07/2012 giữa Công ty với Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Lãi suất vay của VND là 13,5%/năm và của USD là 7,3%/năm, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày nhận nợ, mục đích vay theo từng lần cấp tín dụng, tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị, lưỡi phay để sản xuất, lắp ráp cửa uPVC được lắp đặt tại Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á, và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 50 tại địa chỉ lô 36 đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
 (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số HKI-HĐTD/13113 ngày 05/8/2013 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng. Lãi suất 9,5%/ năm, thời hạn vay tối đa 12 tháng, mục đích theo từng lần cấp tín dụng, tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc thiết bị lắp đặt tại Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á địa chỉ Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 50 tại địa chỉ lô 36 đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh; và 02 dây truyền sản xuất thanh Profile của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á được lắp đặt tại Công ty TNHH Nhựa Đông Á tại địa chỉ Khu Công nghiệp Châu Sơn, Phú Lý, Hà Nam theo Hợp đồng thế chấp số HKI-HĐTC/13114 ngày 02/08/2013.

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	Đơn vị tính: VND 31/12/2013
Thuế GTGT đầu ra	60.579.369	354.515.759	373.789.205	41.305.923
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.523.731.695	3.523.731.695	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	949.145.317	949.145.317	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(176.745.341)	-	-	(176.745.341)
Thuế thu nhập cá nhân	184.250.431	393.543.184	-	577.793.615
Các loại thuế khác	-	123.000.001	62.835.617	60.164.384
Cộng thuế và các khoản phải thu Nhà nước	176.745.341			176.745.341
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	244.829.800			679.263.922

12. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí phải trả thuê văn phòng	1.261.400.000	-
Chi phí phải trả khác	96.919.283	-
Tổng cộng	1.358.319.283	-

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Kinh phí công đoàn	19.048.623	25.425.000
Bảo hiểm xã hội	26.114.257	-
Bảo hiểm thất nghiệp	11.735.000	26.324.345
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.755.483.632	11.639.331.059
<i>Nguyễn Bá Hùng</i>	6.126.320.750	2.299.500.000
<i>Công ty TNHH TMDV Hùng Phát</i>	4.864.895.750	4.049.500.000
<i>Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á</i>	864.682.647	864.682.647
<i>Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam</i>	-	2.952.731.353
<i>Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tam Sơn</i>	1.911.250.000	-
<i>Phải phải phải nộp khác</i>	1.988.334.485	1.472.917.059
Tổng cộng	15.812.381.512	11.691.080.404

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
 (tiếp theo)

14. Vay và nợ dài hạn	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	15.721.508.494	24.284.503.130
Ngân hàng Quân đội - VND (1)	7.346.773.522	10.323.919.848
Ngân hàng Quân đội - USD (1)	8.374.734.972	13.960.583.282
Nợ dài hạn	6.327.428.798	9.621.604.570
Công ty CP cho thuê tài chính NH Ngoại thương (2)	6.327.428.798	9.621.604.570
Trái phiếu phát hành	53.500.000.000	53.500.000.000
Công ty Liên doanh Shide Việt Nam (3)	13.500.000.000	13.500.000.000
Japan South East Asia Growth Fund L.P. (4)	40.000.000.000	40.000.000.000
Tổng cộng	75.548.937.292	87.406.107.700

(1) Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 113.09.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 24/11/2009. Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 13/01/2013 với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm.

- Hợp đồng tín dụng số 203.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 20/08/2010. Số tiền vay theo hợp đồng là 169.330 USD, gốc thanh toán định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 36 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho chậm luân chuyển trị giá 70.000.000.000 VND và hai (02) dây chuyền máy đùn thanh Profile theo hợp đồng ngoại thương số DA-DONGXU 10.01 ngày 20 tháng 05 năm 2010. Theo Hợp đồng tín dụng số 284.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 22/10/2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên (ngày 28/10/2015) với lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân 6,8%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống nhà xưởng, máy móc, hàng tồn kho luân chuyển và máy móc thiết bị với tổng trị giá là 132.375.000.000 VND.

- Hợp đồng tín dụng số 271.12.004.369260.TD.DN ngày 05/10/2012, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, mục đích vay để thanh toán tiền mua 02 dây chuyền sản xuất thanh Profile và 01 máy trộn và mục đích khác nếu được ngân hàng chấp nhận trước thời điểm giải ngân khoản vay đó. Tài sản đảm bảo là 02 dây chuyền sản xuất thanh Profile theo hợp đồng số DAG-NW 12.02 ngày 21/9/2012, và 01 máy trộn theo Hợp đồng số DA-NW 12.01 ngày 26/7/2012 theo hợp đồng thế chấp số 272.12.004.369260.TC.DN

(2) Hợp đồng Thuê tài chính giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 28/05/2010, tổng giá trị 157.872 USD, thời hạn thuê là 50 tháng, lãi suất cho thuê bằng lãi suất cơ bản do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 0,25%/tháng. Tài sản thuê tài chính là Dây chuyền sản xuất của hợp kim nhôm vách dựng đã được Công ty chuyển giao cho Công ty con là Công ty TNHH Smartwidow Việt Nam.

(3) Theo hợp đồng mua bán trái phiếu chuyển đổi ngày 20/12/2012, lãi suất thấp hơn 3% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định và tối thiểu là 3%, thời gian chuyển đổi là 3 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu chuyển đổi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
 (tiếp theo)

(4) Theo hợp đồng mua bán trái phiếu chuyển đổi ngày 18/12/2012, lãi suất thấp hơn 3% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định và tối thiểu là 3%, thời gian chuyển đổi là 3 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu chuyển đổi.

15. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty CP Xây dựng số 1 Hà Nội	65.895.727	2.195.912.413
Công ty CP Đầu tư và xây dựng công nghiệp - XNXD số 5	-	272.727.273
Tổng cộng	65.895.727	2.468.639.686

16. Vốn chủ sở hữu

16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2012	125.000.000.000	4.050.000.000	25.008.490	129.075.008.490
Tăng vốn trong năm trước	12.500.000.000	-	-	12.500.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	12.389.938.142	12.389.938.142
Chia cổ tức	-	-	(12.500.000.000)	(12.500.000.000)
Giảm khác	-	-	(143.697.489)	(143.697.489)
Số dư tại ngày 31/12/2012	137.500.000.000	4.050.000.000	(228.750.857)	141.321.249.143
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	17.291.773.817	17.291.773.817
Chia cổ tức	-	-	(19.112.470.809)	(19.112.470.809)
Giảm khác	-	-	(81.385.822)	(81.385.822)
Số dư tại ngày 31/12/2013	137.500.000.000	4.050.000.000	(2.130.833.671)	139.419.166.329

16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

31/12/2013
VND

01/01/2013
VND

Công ty TNHH Thương mại Hùng Phát	34.999.250.000	34.999.250.000
Nguyễn Bá Hùng	44.074.250.000	44.074.250.000
Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn	13.750.000.000	13.750.000.000
Các cổ đông khác	44.676.500.000	44.676.500.000
Tổng cộng	137.500.000.000	137.500.000.000

16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Năm 2013
VND

Năm 2012
VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	137.500.000.000	125.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	137.500.000.000	125.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	12.500.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	137.500.000.000	137.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	19.112.470.809	12.500.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
 (tiếp theo)

16.4. Cổ phiếu	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.750.000	13.750.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.750.000	13.750.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.750.000	13.750.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	21	21
- Cổ phiếu phổ thông	21	21
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.749.979	13.749.979
- Cổ phiếu phổ thông	13.749.979	13.749.979
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1CP		

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

17. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng hóa	171.027.018.110	169.544.153.226
Doanh thu hoạt động lắp đặt	37.432.386.150	43.341.223.747
Doanh thu khác	-	13.521.490.276
Tổng cộng	208.459.404.260	226.406.867.249

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Hàng bán bị trả lại	-	157.339.411
Tổng cộng	-	157.339.411

19. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	171.027.018.110	169.386.813.815
Doanh thu thuần hoạt động lắp đặt	37.432.386.150	43.341.223.747
Doanh thu thuần hoạt động khác	-	13.521.490.276
Tổng cộng	208.459.404.260	226.249.527.838

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
 (tiếp theo)

20. Giá vốn hàng bán	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn của hàng hóa	167.353.124.200	163.500.402.036
Giá vốn hoạt động lắp đặt	37.432.386.150	43.341.223.747
Giá vốn khác	68.435.688	13.607.325.954
Tổng cộng	204.853.946.038	220.448.951.737
21. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	26.913.323	36.391.256
Cổ tức lợi nhuận được chia	21.130.442.641	14.526.932.622
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	2.059.640
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	469.282	-
Tổng cộng	21.157.825.246	14.565.383.518
22. Chi phí tài chính	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	555.290.392	2.387.352.789
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	605.169.711
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	249.186.057	110.931.197
Tổng cộng	804.476.449	3.103.453.697
23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	230.249.523.524	240.995.163.595
Thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	21.130.442.641	14.526.932.622
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	211.274.506.506	227.948.184.994
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.155.425.623)	(1.479.954.021)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

25. Công cụ tài chính
Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
 (tiếp theo)

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.10 và V.14, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.202.471.790	34.367.791.228
Phải thu khách hàng và phải thu khác	127.211.745.755	288.649.050.379
Tổng cộng	138.414.217.545	323.016.841.607
Công cụ nợ tài chính		
Các khoản vay	173.091.479.773	310.795.687.027
Phải trả người bán và phải trả khác	33.768.245.705	61.396.097.081
Chi phí phải trả	1.358.319.283	-
Tổng cộng	208.218.044.761	372.191.784.108

Công ty chưa đánh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
 (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công cụ nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	42.146.493.711	19.239.797.527	14.960.491	16.370.662

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của Công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	33.738.245.705	30.000.000	33.768.245.705
Chi phí phải trả	1.358.319.283	-	1.358.319.283
Các khoản vay	97.542.542.481	75.548.937.292	173.091.479.773

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
 (tiếp theo)

01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	61.366.097.081	30.000.000	61.396.097.081
Các khoản vay	223.389.579.327	87.406.107.700	310.795.687.027

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.202.471.790	-	11.202.471.790
Phải thu khách hàng và phải thu khác	127.211.745.755	-	127.211.745.755

01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.367.791.228	-	34.367.791.228
Phải thu khách hàng và phải thu khác	288.649.050.379	-	288.649.050.379
Đầu tư dài hạn	-	-	-

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

26. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tăng vốn do chi trả cổ tức bằng cổ phiếu thưởng	-	12.500.000.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá các khoản vay đánh giá lại tại thời điểm cuối năm tài chính.	28.993.757	591.190.463

VIII Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan

Bán hàng

	Quan hệ với Công ty	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Công ty TNHH TM Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	29.946.356.670	30.449.620.392
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Công ty con	5.472.114.196	1.402.571.979
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con	31.426.950.406	26.271.003.287

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
(tiếp theo)

Mua hàng

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	4.498.251.935	9.538.817.570
Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn	Cổ đông chiến lược	47.461.787.305	124.372.268.440
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Công ty con	34.324.183.531	35.812.601.143
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con	214.310.787	209.090.700

Lợi nhuận nhận về

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	15.559.376.228	5.795.282.832
Công ty TNHH Một thành viên S.M.W	5.385.202.155	7.924.869.258
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	185.864.258	806.780.532

Cổ tức chi trả

	Quan hệ với Công ty	Năm 2013 VND
Công ty TNHH TM Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	4.049.500.000

1.2 Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Các khoản phải thu			
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Công ty con	71.680.241.484	122.246.449.916
Công ty TNHH TM Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	2.051.922.871	-
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	Công ty con	32.204.723.656	32.018.859.398
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con	8.079.337.164	124.869.885.183
Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn	Cổ đông chiến lược	3.985.330.795	-

Các khoản phải trả

Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn	Cổ đông chiến lược	1.911.250.000	42.736.788.315
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Công ty con	7.173.653.265	3.875.151.804
Công ty TNHH TM Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	4.864.895.750	149.081.226
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con	-	229.999.770
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	Công ty con	864.682.647	864.682.647
Nguyễn Bá Hùng	Chủ tịch HĐQT	6.126.320.750	2.299.500.000

1.2 Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lương	999.413.046	958.208.955
Tổng cộng	999.413.046	958.208.955

2. Những thông tin khác

2.1 Phải thu của khách hàng

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty TNHH V&H Việt Nam	-	9.158.816.955
Công ty CP thiết bị tự động hóa AMC	374.495.530	620.895.530

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
 (tiếp theo)

CT CP Đầu tư PT nhà và đô thị VINACONEX (N05)	1.459.062.776	5.471.400.776
Tổng Công ty Xây dựng Nhà Hà Nội	2.475.704.147	2.475.704.147
Công ty Cổ phần Licogi 13	1.333.524.593	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 1	2.981.969.292	-
Công ty CP Phát triển Thương mại Vinaconex	3.139.021.644	-
Các đối tượng khác	3.799.638.008	2.100.262.017

Tổng cộng	15.563.415.990	19.827.079.425
------------------	-----------------------	-----------------------

2.2 Trả trước cho người bán

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH V&H Việt Nam	3.290.170.609	5.650.152.902
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Việt Nam - Vicco	-	1.648.000.000
Guangxi Pingxiang Yingtai	803.000.000	803.000.000
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	-	8.302.093.485
JIANGYIN NANWEI INTERNATIONAL TRADE CO.,LTD	13.101.861.350	15.328.729.989
Công ty Xây dựng Hoàng Đăng	10.060.038.193	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tam Sơn	3.985.330.795	-
Công ty TNHH TM Dịch vụ Hùng Phát	2.051.922.871	-
Các đối tượng khác	2.738.907.981	417.222.164

Tổng cộng	36.031.231.799	32.149.198.540
------------------	-----------------------	-----------------------

2.3 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	47.250.000	65.626.831
Vương Toàn Hoạt	18.680.000	-
Nguyễn Thị Tính	15.000.000	15.000.000
Các đối tượng khác	13.570.000	50.626.831
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.007.437.293	1.667.346.543
Ký quỹ thuê tài chính tại Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính	869.032.305	869.032.305
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-
Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân đội	138.404.988	802.677.595

Tổng cộng	1.054.687.293	1.732.973.374
------------------	----------------------	----------------------

2.4 Phải trả người bán

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH ĐT & XD An Lập Thành-28/HĐKT	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Tư vấn phần mềm quản trị doanh nghiệp	74.196.000	74.196.000
Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn	-	42.736.788.315
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	7.173.653.265	-
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	-	229.999.770
ITOCHU CORPORATION	-	5.293.054.715
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Việt Nam - Vicco	1.713.299.400	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
 (tiếp theo)

Công ty CP Goldsun Vina	2.819.297.431	-
Foshan Gaoming Hengrui Export and Import Co.,ILD	2.140.379.098	-
Các đối tượng khác	3.705.039.000	1.040.977.877
Tổng cộng	17.925.864.193	49.675.016.677
2.5 Người mua trả tiền trước	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Licogi 13	-	2.577.015.178
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	-	823.115.146
Công ty CP Phát triển Thương mại Vinaconex	-	5.110.788.500
Công ty TNHH TM Dịch vụ Hùng Phát	-	149.081.456
Tổng cộng	-	8.660.000.280
2.6 Phải trả dài hạn khác	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	30.000.000	30.000.000
Tổng cộng	30.000.000	30.000.000
2.7 Chi phí bán hàng	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên	578.957.567	420.922.571
Chi phí vật liệu, bao bì	-	275.003
Chi phí khấu hao TSCĐ	633.389.384	434.896.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	987.940.952	1.461.085.820
Chi phí bằng tiền khác	11.864.375	353.108.829
Tổng cộng	2.212.152.278	2.670.288.891
2.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.391.142.397	978.137.743
Chi phí vật liệu quản lý	344.881.565	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	80.569.249
Chi phí khấu hao TSCĐ	24.828.963	54.449.603
Thuế, phí và lệ phí	1.442.804	44.546.366
Chi phí dự phòng	1.026.341.513	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.048.185.154	734.396.441
Chi phí bằng tiền khác	550.558.724	383.643.614
Tổng cộng	4.387.381.121	2.275.743.014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013
(tiếp theo)

2.9 Thu nhập khác	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu từ thanh lý máy móc thiết bị	150.000.000	104.885.977
Thu nhập khác	482.294.018	75.366.262
Tổng cộng	632.294.018	180.252.239

2.16 Chi phí khác	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá trị còn lại và chi phí thanh lý máy móc thiết bị	239.955.623	104.885.977
Chi phí khác	459.838.198	1.902.137
Tổng cộng	699.793.821	106.788.114

2.11 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty CP Tập đoàn nhựa Đông Á đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng

Phan Thị Lụa

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Hùng

